TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ P** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2025/DS-ST
Ngày: 04/6/2025
V/v: "Tranh chấp về thừa kế tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Quách Đình Hoằng

2. Bà Tô Thị Lành

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hải - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Cao Thảo Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 338/2024/TLST- DS ngày 09 tháng 10 năm 2024 về "*Tranh chấp về thừa kế tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2025/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đào Thị H, sinh năm 1969. Địa chỉ: 1 P, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai;

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Duy N, sinh năm 1975. Địa chỉ: A T, phường D, thành phố P, tỉnh Gia Lai. (Có mặt)

- Bị đơn:

1. Ông Đào Văn H1, sinh năm 1967
2. Ông Đào Văn T, sinh năm 1963

Cùng địa chỉ: Hẻm A C, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. (Có mặt.)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Đào Thị X, sinh năm 1961. Địa chỉ: 1 H, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. (Có mặt)
2. Ông Đào Văn Đ, sinh năm 1966. Địa chỉ: B C, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. (Vắng mặt)
3. Bà Văn Thị Tuyết H2, sinh năm 1976
4. Chị Đào Ý N1, sinh năm 1998
5. Anh Đào Văn T1, sinh năm 1999

Cùng địa chỉ: A H, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 08/10/2024, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Đào Thị H do người đại diện theo uỷ quyền là ông Nguyễn Duy N trình bày:

Cha mẹ bà Đào Thị H là cụ ông Đào T2 và bà Nguyễn Thị N2 chung sống với nhau có 07 người con chung là: Bà Đào Thị X, sinh năm 1960; Bà Đào Thị H3, sinh năm 1960; Ông Đào Văn T, sinh năm 1963; Ông Đào Văn Đ, sinh năm 1966; Ông Đào Văn H1, sinh năm 1967; Bà Đào Thị H, sinh năm 1969 và ông Đào Văn T3, sinh năm 1973. Khi còn sống, cụ T2 và cụ N2 tạo dựng được khối tài sản chung là thửa đất số 23, tờ bản đồ số 41, diện tích 732m^2 tại hẻm A C, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai, đất đã được Ủy ban nhân dân thành phố P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ686503 ngày 20/8/2004 cho hộ ông Đào T2 và bà Nguyễn Thị N2.Cụ Đào T2 chết năm 2004, cụ Nguyễn Thị N2 chết năm 2006, khi chết hai cụ không để lại di chúc. Di sản cụ T2 và cụ N2 để lại là toàn bộ lô đất toạ lạc tại hẻm A C, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Căn cứ theo quy định của pháp luật thì những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất được hưởng di sản của cụ T2 và cụ N2 gồm có ông bà: Đào Thị X, Đào Thị H3, Đào Văn T, Đào Văn Đ, Đào Văn H1, Đào Thị H và Đào Văn T3 (Cha mẹ của cụ T2 và cụ N2 đã chết từ lâu, chết trước cụ T2 và cụ N2). Ông Đào Văn T3 bị bệnh chết năm 2013, trước khi chết năm 2009 ông Đào Văn T3 đã được chia di sản thừa kế và đã được hưởng một phần di sản thừa kế nêu trên nên đối với phần di sản thừa kế này ông Đào Văn T3 không được hưởng nữa (Ông T3 có vợ là Văn Thị Tuyết H2 và có hai con là Đào Ý N1 và Đào Văn T1). Năm 2024 bà Đào Thị H3 chết không để lại di chúc, bà H3 không có chồng và không có con.

Do đó những người được hưởng di sản thừa kế của cụ T2 và cụ N2 để lại gồm có bà Đào Thị X, ông Đào Văn T, ông Đào Văn Đ, ông Đào Văn H1 và bà Đào Thị H, đối với tài sản trên đất bà H không yêu cầu chia vì không phải là di sản thừa kế của cụ T2 và cụ N2 để lại. Bà Đào Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa giải quyết chia thừa kế theo quy định của pháp luật đối với di sản thừa kế do cha mẹ bà (là cụ Đào T2 và cụ Nguyễn Thị N2) chết để lại là thửa đất số 23, tờ bản đồ số 41, diện tích 771,70m^2 (diện tích sau khi xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản) trị giá là 4.475.860.000 đồng. Trên diện tích đất thuộc di sản thừa kế ông Đào Văn T hiện đang quản lý và sử dụng diện tích 242,5m^2 trong đó phần diện tích đất có nhà là 109,2m^2, phần diện tích đất trống là 133,3m^2; ông Đào Văn H1 hiện đang quản lý và sử dụng diện tích 220,8m^2 và diện tích 62,6m^2 nên bà H đồng ý để ông T, ông H1 tiếp tục sử dụng diện tích đất này, đối với phần diện tích đất 133,3m^2 ông Đ có yêu cầu được nhận, bà yêu cầu được nhận phần diện tích 245,8m^2. Bà sẽ có trách nhiệm trả cho ông Đ và các đồng thừa kế còn lại số tiền mà họ được chia thừa kế theo quy định.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà bị đơn ông Đào Văn T trình bày: Căn cứ theo quy định của pháp luật thì những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất được hưởng di sản của cha mẹ ông để lại gồm có bà Đào Thị X, bà Đào Thị H3, ông (là Đào Văn T), ông Đào Văn Đ, ông Đào Văn H1, bà Đào Thị H và ông Đào Văn T3 ông bà nội ngoại của ông đã chết từ lâu chết trước cha mẹ ông. Tháng 8/2009 do ông Đào Văn T3 bị bệnh nặng nên các chị em trong gia đình đã đồng ý chia một phần tài sản của cha mẹ ông để cho ông T3 đến năm 2013 ông Đào Văn

T3 chết, ngày 07/6/2024 bà Đào Thị H3 chết không để lại di chúc bà H3 không có chồng và không có con, đối với diện tích đất trước khi chết cha mẹ ông đã nói cho hai anh em ông là Đào Văn T và Đào Văn H1 nhưng khi đó nói cho chứ chưa có làm được giấy tờ cho. Bà H khởi kiện yêu cầu chia thừa kế đối với diện tích đất do cha mẹ ông để lại ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà H, trường hợp Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật ông có yêu cầu được nhận phần tài sản thừa kế là căn nhà ông đang ở hiện nay.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà bị đơn ông Đào Văn H1 trình bày: Căn cứ theo quy định của pháp luật thì những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất được hưởng di sản của cha mẹ ông để lại gồm có bà Đào Thị X, bà Đào Thị H3, ông (là Đào Văn T), ông Đào Văn Đ, ông Đào Văn H1, bà Đào Thị H và ông Đào Văn T3 ông bà nội ngoại của ông đã chết từ lâu chết trước cha mẹ ông. Tháng 8/2009 do ông Đào Văn T3 bị bệnh nặng nên các chị em trong gia đình đã đồng ý chia một phần tài sản của cha mẹ ông để cho ông T3 đến năm 2013 ông Đào Văn T3 chết, ngày 07/6/2024 bà Đào Thị H3 chết không để lại di chúc bà H3 không có chồng và không có con, đối với diện tích đất trước khi chết cha mẹ ông đã nói cho hai anh em ông là Đào Văn T và ông, ông đã sinh sống trên mảnh đất này từ năm 1980 đến nay nhưng khi đó nói cho chứ chưa có làm được giấy tờ cho và trước khi cha mẹ ông chết cũng đã chia đều tài sản cho tất cả các anh chị em trong nhà kể cả bà H và bà H cũng đã dùng tài sản cha mẹ cho để mua nhà nơi khác và bỏ đi hơn mấy chục năm, nay bà H lại khởi kiện yêu cầu chia tài sản là diện tích đất nêu trên ông thấy không công bằng trong sự việc này do vậy ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà H.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đào Thị X trình bày: Bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của bà H, bà yêu cầu Toà án giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị H theo quy định của pháp luật, bà không có tranh chấp.

Quá trình giải quyết vụ án và tại đơn xin giải quyết vắng mặt, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đào Văn Đ trình bày: Căn cứ theo quy định của pháp luật thì những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất được hưởng di sản của cha mẹ ông để lại gồm có bà Đào Thị X, bà Đào Thị H3, ông Đào Văn T, ông (là Đào Văn Đ), ông Đào Văn H1, bà Đào Thị H và ông Đào Văn T3 ông bà nội ngoại của ông đã chết từ lâu chết trước cha mẹ ông. Tháng 8/2009 do ông Đào Văn T3 bị bệnh nặng nên các chị em trong gia đình đã đồng ý chia một phần tài sản của cha mẹ ông để cho ông T3 đến năm 2013 ông Đào Văn T3 chết, ngày 07/6/2024 bà Đào Thị H3 chết không để lại di chúc bà H3 không có chồng và không có con, đối với diện tích đất trước khi chết cha mẹ ông đã nói cho hai anh em ông là ông Đào Văn T và ông Đào Văn H1 nhưng khi đó nói cho chứ chưa kịp làm giấy tờ. Do vậy đối với yêu cầu khởi kiện của bà H ông Đào Văn Đ yêu cầu Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật, ông yêu cầu nhận phần đất trống bên cạnh phần đất ông T đang ở để làm nơi thờ cúng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Văn Thị Tuyết H2, anh Đào Văn T1, chị Đào Ý N1 trình bày: Bà H2, anh T1 và chị N1 là vợ con của ông Đào Văn T3, sinh năm 1973, ông T3 chết năm 2013 trước khi chết ông T3 đã được chia một phần tài sản của cha mẹ ông là cụ Đào T2 và cụ Nguyễn Thị N2. Đối với yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của bà Đào Thị H, bà H2, anh T1 và chị N1 không có ý kiến

gì và đề nghị được vắng mặt tại các phiên họp hoà giải vắng mặt tại các phiên toà vì bà và các con đã được hưởng một phần tài sản của cụ Đào T2 và cụ Nguyễn Thị N2 đã tách ra quyền sử dụng đất riêng.

Ý kiến của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử chấp hành đúng các quy định về tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện chưa đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định.

Về nội dung vụ án và hướng giải quyết:

Đề nghị xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và trình bày của đương sự tại phiên toà, lời trình bày của đương sự ý kiến của Kiểm sát viên và kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Đào Thị H khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Đào Văn T, ông Đào Văn H1 về việc yêu cầu chia di sản thừa kế. Ông Đào Văn T và ông Đào Văn H1 đang cư trú tại thành phố P, tỉnh Gia Lai. Căn cứ khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là "Tranh chấp về thừa kế tài sản" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Về thủ tục lựa chọn hoà giải và lựa chọn Hoà giải viên: Ngày 08/10/2024, người khởi kiện có văn bản đề nghị về việc không hoà giải, đối thoại tại Toà án. Vì vậy, Toà án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai thụ lý, giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Đào Thị H vắng mặt nhưng có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Duy N có mặt. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt.

Ông Đào Văn Đ, bà Văn Thị Ánh H4, chị Đào Ý N1 và anh Đào Văn T1 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tham gia phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt các đương sự này.

[2] Về yêu cầu chia di sản thừa kế

Xác định người thừa kế theo pháp luật: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời thừa nhận của các đương sự và quy định tại Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015 xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Đào T2 và cụ Nguyễn Thị N2: Bố mẹ đẻ của cụ Đào T2 và cụ Nguyễn Thị N2 đã chết từ lâu chết trước cụ T2 và cụ N2 do thời gian đã lâu và không còn lưu giữ giấy chứng tử nên không xác định được họ và tên, năm sinh năm chết. Cụ Đào T2 và cụ Nguyễn Thị N2 có 07 người con chung là: Bà Đào Thị X, sinh năm 1960; Bà Đào Thị H3, sinh năm 1960, chết năm 2024, bà Đào Thị H3 không có chồng con; Ông Đào Văn T, sinh năm 1963; Ông Đào Văn Đ, sinh năm 1966; Ông Đào Văn H1, sinh năm 1967; Bà

Đào Thị H, sinh năm 1969 và ông Đào Văn T3, sinh năm 1973, chết năm 2013 (Ông T3 có vợ là Văn Thị Tuyết H2 và có hai con là Đào Ý N1 và Đào Văn T1, năm 2009 ông Đào Văn T3 đã được chia tài sản thừa kế). Như vậy người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của của cụ T2 và cụ N2 được chia di sản gồm có bà Đào Thị X, ông Đào Văn T, ông Đào Văn Đ, bà Đào Thị H và ông Đào Văn H1.

Xác định di sản: Năm 2004 cụ Đào T2 và cụ Nguyễn Thị N2 được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số đối với thửa đất số 23, tờ bản đồ số 41, diện tích 1102m^2 tại hẻm A Cách mạng T, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Khi còn sống cụ T2 và cụ N2 có chuyển nhượng và phân chia cho con là ông Đào Văn T3 vào năm 2009 một phần diện tích đất nêu trên, diện tích đất còn lại chưa chia sau khi xem xét thẩm định tại chỗ là 771,7m^2. Do đó có căn cứ để xác định di sản cụ T2 và cụ N2 để lại là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 23, tờ bản đồ số 41, diện tích 771,7m^2 tại hẻm A Cách mạng T, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Sau khi cụ T2 và cụ N2 chết không để lại di chúc, các thừa kế của cụ T2 và cụ N2 không thoả thuận để phân chia di sản của cụ T2 và cụ N2 nên bà Đào Thị H yêu cầu Toà án chia thừa kế đối với di sản của cụ T2 và cụ N2 theo pháp luật là có căn cứ. Đối với ý kiến của ông Đào Văn T và ông Đào Văn H1 không đồng ý chia di sản thừa kế vì cho rằng khi còn sống cụ T2 và cụ N2 đã cho phần diện tích này cho các ông nhưng chưa làm giấy tờ, ngoài lời khai ông Đào Văn T và ông Đào Văn H1 không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho lời khai của mình là có căn cứ do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận ý kiến của ông Đào Văn T và ông Đào Văn H1.

Về kết quả đo đạc: Tại kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 11/12/2024 đối với diện tích đất 771,7m^2 thửa đất số 23, tờ bản đồ số 41 tại hẻm A Cách mạng T, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai gồm có năm phần diện tích đất, cụ thể: Phần 1: Diện tích đất 133,3 m^2; Phần 2: Diện tích đất 109,2 m^2; Phần 3: Diện tích đất 245,8 m^2; Phần 4: Diện tích đất 220,8 m^2; Phần 5: Diện tích đất 62,6m^2.

Về giá trị di sản: Theo kết quả định giá tài sản ngày 11/12/2024 thì giá trị 771,7m^2 đất thuộc thửa đất số 23, tờ bản đồ số 41 tại hẻm A Cách mạng T, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai là 4.475.860.000 đồng (5.800.000 đồng/m^2 x 771,7m^2)

Về công sức đóng góp vào việc quản lý, tôn tạo di sản: Toàn bộ di sản sau khi cụ T2 và cụ N2 chết, do ông Đào Văn T và ông Đào Văn H1 quản lý. Mặc dù ông Đào Văn T và ông Đào Văn H1 không phản tố yêu cầu tính công sức đóng góp nhưng căn cứ vào quy định tại Án lệ số 05/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thông qua ngày 06 tháng 4 năm 2016 và được công bố theo Quyết định 220/QĐ-CA06 tháng 4 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân Tối cao thì: *"Trong vụ án tranh chấp di sản thừa kế, có đương sự thuộc diện được hưởng một phần di sản thừa kế và có công sức đóng góp vào việc quản lý, tôn tạo di sản thừa kế nhưng không đồng ý việc chia thừa kế (vì cho rằng đã hết thời hiệu khởi kiện về thừa kế), không có yêu cầu cụ thể về việc xem xét công sức đóng góp của họ vào việc quản lý, tôn tạo di sản thừa kế; nếu Tòa án quyết định việc chia thừa kế cho các thừa kế thì phải xem xét về công sức đóng góp của họ vì yêu cầu không chia thừa kế đối với di sản thừa kế lớn hơn yêu cầu xem xét về công sức".*

Hội đồng xét xử xét thấy, ông Đào Văn T và ông Đào Văn H1 có công sức quản lý, giữ gìn di sản từ khi cụ T2 và cụ N2 chết đến nay. Do đó, trích từ di sản để thanh toán công sức đóng góp cho ông T và ông H1 mỗi người 3% tổng giá trị di sản với số tiền 134.275.800 đồng.

Bà H yêu cầu được nhận diện tích đất 245,8 m^2, ông T yêu cầu được nhận diện tích đất 109,2 m^2, ông Đ yêu cầu được nhận diện tích đất 133,3 m^2 thuộc một phần thửa đất số thửa đất số 23, tờ bản đồ số 41 tại hẻm A Cách mạng T, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Đối với diện tích đất 220,8m^2 đất và diện tích đất 62,6m^2 thuộc một phần thửa đất số thửa đất số 23, tờ bản đồ số 41 hiện ông H1 đang quản lý và sử dụng do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H chia thừa kế bằng quyền sử dụng đất, chấp nhận yêu cầu của ông T, ông Đ về việc nhận di sản thừa kế bằng quyền sử dụng đất, giao ông H1 tiếp tục quản lý sử dụng quyền sử dụng đất ông đang quản lý và sử dụng.

Chia thừa kế cho ông Đào Văn Đ quyền sử dụng đất diện tích đất 133,3 m^2 thuộc một phần thửa đất số thửa đất số 23, tờ bản đồ số 41 tại hẻm A Cách mạng T, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai trị giá thành tiền 773.140.000 đồng

Chia thừa kế cho ông Đào Văn T quyền sử dụng đất diện tích đất 109,2 m^2 thuộc một phần thửa đất số thửa đất số 23, tờ bản đồ số 41 tại hẻm A Cách mạng T, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai trị giá thành tiền 633.360.000 đồng

Chia thừa kế cho bà Đào Thị H quyền sử dụng đất diện tích đất 245,8 m^2 thuộc một phần thửa đất số thửa đất số 23, tờ bản đồ số 41 tại hẻm A Cách mạng T, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai trị giá thành tiền 1.425.640.000 đồng

Chia thừa kế cho ông Đào Văn H1 quyền sử dụng đất diện tích đất 220,8 m^2 và diện tích 62,6m^2 thuộc một phần thửa đất số thửa đất số 23, tờ bản đồ số 41 tại hẻm A Cách mạng T, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai trị giá thành tiền 1.643.720.000 đồng

Trị giá di sản còn lại sau khi xem xét công sức quản lý, giữ gìn di sản là 4.475.860.000 đồng – (134.275.800 đồng x 2) = 4.207.308.400 đồng.

Xác định chia kỷ phần cho người thừa kế, xác định mỗi kỷ phần thừa kế là: 4.207.308.400 đồng : 5 (X, T, Đ, H, H1) = 841.461.680 đồng. Bà X, ông Đ, bà H mỗi người nhận kỷ phần thừa kế trị giá 841.461.680 đồng, ông T và ông H1 mỗi người nhận kỷ phần thừa kế là 975.737.480 đồng (841.461.680 đồng + 134.275.800 đồng).

Như vậy bà H có trách nhiệm thanh toán cho ông Đ số tiền chênh lệch so với giá trị mỗi suất thừa kế là 68.321.680 đồng, thanh toán cho ông T số tiền chênh lệch so với giá trị mỗi suất thừa kế là 342.377.480 đồng, thanh toán cho bà X số tiền giá trị một suất thừa kế là 173.479.160 đồng. Ông H1 có trách nhiệm thanh toán cho bà X số tiền giá trị một suất thừa kế là 667.982.520 đồng.

Chia thừa kế cho bà Đào Thị X giá trị một suất thừa kế số tiền là 841.461.680 đồng (do bà Đào Thị H thanh toán là 173.479.160 đồng và ông Đào Văn H1 thanh toán là 667.982.520 đồng)

Về tài sản trên đất: Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thừa nhận di sản cụ T2 và cụ N2 để lại chỉ có quyền sử dụng đất, tài sản trên đất gắn liền với quyền sử dụng đất thuộc quyền sở hữu của các đồng thừa kế được chia, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết tài sản trên đất.

[3] Về chi phí tố tụng: Căn cứ vào các Điều 157, 158, 165, 166 Bộ luật Tố tụng Dân sự, các đương sự phải chịu chi phí tố tụng tương ứng với kỷ phần thừa kế được hưởng.

Tổng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 12.000.000 đồng, bà H đã nộp số tiền này. Bà H, ông Đ, ông T, ông H1 và bà X được hưởng tương ứng 1/5 giá trị tài sản tiến hành các thủ tục tố tụng nên bà H, ông Đ, ông T, ông H1 và bà X phải chịu chi phí tố tụng tương ứng. Do đó, buộc ông Đ, ông T, ông H1 và bà X mỗi người phải có trách nhiệm trả lại cho bà H chi phí tố tụng với số tiền là 2.400.000 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đào Thị H, ông Đào Văn Đ, bà Đào Thị X mỗi người phải chịu 37.243.850 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Đào Văn T, ông Đào Văn H1 mỗi người phải chịu 41.272.124 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngày 20/5/2025 bị đơn ông Đào Văn T có đơn đề nghị miễn nộp tiền án phí dân sự vì ông là người cao tuổi do vậy ông Đào Văn T được miễn nộp tiền án phí dân sự theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[5] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát cơ bản phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, do đó được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 68, Điều 92, Điều 144, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166, Điều 184, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Các Điều 609, 610, 611, 612, 613, 614, 649, 650, 651 và 660 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Án lệ số 05/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 06 tháng 4 năm 2016 và được công bố theo Quyết định 220/QĐ-CA06 tháng 4 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân Tối cao.
- Điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị H yêu cầu chia di sản thừa kế.

Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Đào T2, sinh năm 1925 (Đã chết năm 2004) và cụ Nguyễn Thị N2, sinh năm 1936 (Đã chết năm 2006) gồm 05 thừa kế, cụ thể là: Bà Đào Thị X, ông Đào Văn T, ông Đào Văn Đ, bà Đào Thị H và ông Đào Văn H1

Xác định di sản thừa kế là: Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 23, tờ bản đồ số 41, diện tích 771,7m^2 tại hẻm A Cách mạng T, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai đã được Ủy ban nhân dân thành phố P cấp Giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất số Đ686503 ngày 20/8/2004 cho hộ ông Đào T2 và bà Nguyễn Thị N2, gồm năm phần:

Phần 1: Diện tích đất 133,3 m^2 có tứ cận: Phía Đông giáp đất ông T (đang sử dụng), có kích thước 26,69m; Phía Tây giáp đất chưa xác định chủ, có kích thước 23,35m + 2,22m; Phía Nam giáp đường hẻm hiện trạng, có kích thước 3,51m; Phía Bắc giáp đất bà C, có kích thước 6,8m.

Phần 2: Diện tích đất 109,2 m^2 có tứ cận: Phía Đông giáp đất bà H3 (bà H3 quản lý sử dụng trước khi chết), có kích thước 26,94m; Phía Tây giáp đất trống, có kích thước 26,69m; Phía Nam giáp đường hẻm hiện trạng, có kích thước 4,09m; Phía Bắc giáp đất bà C và đất bà H3 (bà H3 quản lý sử dụng trước khi chết), có kích thước 1,7m + 2,36m.

Phần 3: Diện tích đất 245,8 m^2 có tứ cận: Phía Đông giáp đất ông T3 và ông D, có kích thước 28,15 + 13,95m + 5m; Phía Tây giáp đất ông T (đang sử dụng), giáp đất bà H5, đất chưa xác định chủ và đất bà C, có kích thước 2,36m + 26,94m + 6,07m + 5,01m + 6,12m; Phía Nam giáp đường hẻm hiện trạng, có kích thước 4,10m; Phía Bắc giáp đất ông H6, có kích thước 7,92m

Phần 4: Diện tích đất 220,8 m^2 có tứ cận: Phía Đông giáp đường hẻm, có kích thước 1,52m + 7,04m + 8,89m + 7,15m + 7,01m ; Phía Tây giáp đất ông T3, có kích thước 31,49m; Phía Nam giáp đường hẻm hiện trạng, có kích thước 2,8m + 0,96m; Phía Bắc giáp đất bà M, có kích thước 9,7m.

Phần 5: Diện tích đất 62,6m^2 có tứ cận: Phía Đông giáp đường hẻm, có kích thước 6,64m; Phía Tây giáp đất ông T3, có kích thước 4,76m; Phía Nam giáp đất bà M, có kích thước 10,7m; Phía Bắc giáp đất ông D, có kích thước 11,62m

Là di sản của cụ Đào T2 và cụ Nguyễn Thị N2 để lại. Tổng giá trị di sản là 4.475.860.000 đồng.

Về thanh toán công sức đóng góp, gìn giữ khối di sản: Trích từ di sản để thanh toán công sức đóng góp cho ông Đào Văn T và ông Đào Văn H1 mỗi người 3% tổng giá trị di sản với số tiền 134.275.800 đồng.

Như vậy sau khi thanh toán công sức đóng góp, gìn giữ khối di sản cho ông Đào Văn T và ông Đào Văn H1 thì tổng giá trị di sản còn lại là 4.207.308.400 đồng. Bà Đào Thị X, ông Đào Văn Đ, bà Đào Thị H mỗi người nhận kỷ phần thừa kế trị giá 841.461.680 đồng, ông Đào Văn T và ông Đào Văn H1 mỗi người nhận kỷ phần thừa kế trị giá là 975.737.480 đồng (841.461.680 đồng + 134.275.800 đồng).

Về phân chia di sản:

Giao cho ông Đào Văn Đ được quyền sử dụng phần di sản là diện tích đất 133,3 m^2 thuộc một phần thửa đất số thửa đất số 23, tờ bản đồ số 41 tại hẻm A Cách mạng T, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai có tứ cận:

Phía Đông giáp đất ông T (đang sử dụng), có kích thước 26,69m; Phía Tây giáp đất chưa xác định chủ, có kích thước 23,35m + 2,22m; Phía Nam giáp đường hẻm hiện trạng, có kích thước 3,51m; Phía Bắc giáp đất bà C, có kích thước 6,8m; trị giá thành tiền 773.140.000 đồng.

Giao cho ông Đào Văn T được quyền quản lý, sử dụng phần di sản là diện tích đất 109,2 m^2 thuộc một phần thửa đất số thửa đất số 23, tờ bản đồ số 41 tại hẻm A Cách mạng T, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai có tứ cận: Phía Đông

giáp đất bà H3 (bà H3 quản lý sử dụng trước khi chết), có kích thước 26,94m; Phía Tây giáp đất trống, có kích thước 26,69m; Phía Nam giáp đường hẻm hiện trạng, có kích thước 4,09m; Phía Bắc giáp đất bà C và đất bà H3 (bà H3 quản lý sử dụng trước khi chết), có kích thước 1,7m + 2,36m; trị giá thành tiền 633.360.000 đồng. Ông Đào Văn T được quyền sở hữu 01 nhà ở riêng lẻ, có kết cấu móng xây đá, tường xây gạch, nền gạch C1, tường trát vữa sơn nước, không có sê nô mặt trước, mái lợp tôn; diện tích xây dựng 84 m^2; 01 giếng đào đường kính 1,2m; sâu 25m.

Giao cho bà Đào Thị H được quyền quản lý, sử dụng phần di sản là diện tích đất 245,8 m^2 thuộc một phần thửa đất số thửa đất số 23, tờ bản đồ số 41 tại hẻm A Cách mạng T, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai có tứ cận: Phía Đông giáp đất ông T3 và ông D, có kích thước 28,15 + 13,95m + 5m; Phía Tây giáp đất ông T (đang sử dụng), giáp đất bà H5, đất chưa xác định chủ và đất bà C, có kích thước 2,36m + 26,94m + 6,07m + 5,01m + 6,12m; Phía Nam giáp đường hẻm hiện trạng, có kích thước 4,10m; Phía Bắc giáp đất ông H6, có kích thước 7,92m; trị giá thành tiền 1.425.640.000 đồng. Bà Đào Thị H được quyền sở hữu 01 nhà ở riêng lẻ 01 tầng, có kết cấu: móng xây đá, tường xây gạch, nền gạch C1, tường trát vữa sơn nước, không có sê nô mặt trước, mái lợp tôn; diện tích xây dựng 34 m^2.

Giao cho ông Đào Văn H1 được quyền quản lý, sử dụng phần di sản là diện tích đất 220,8 m^2 thuộc một phần thửa đất số thửa đất số 23, tờ bản đồ số 41 tại hẻm A Cách mạng T, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai có tứ cận: Phía Đông giáp đường hẻm, có kích thước 1,52m + 7,04m + 8,89m + 7,15m + 7,01m ; Phía Tây giáp đất ông T3, có kích thước 31,49m; Phía Nam giáp đường hẻm hiện trạng, có kích thước 2,8m + 0,96m; Phía Bắc giáp đất bà M, có kích thước 9,7m; trị giá thành tiền 1.280.640.000 đồng. Ông Đào Văn H1 được quyền sở hữu nhà ở riêng lẻ 01 tầng, có kết cấu: móng xây đá, tường xây gạch, nền gạch C1, tường trát vữa sơn nước, không có sê nô mặt trước, mái lợp tôn; diện tích xây dựng 33 m^2; nhà ở riêng lẻ 01 tầng, có kết cấu: móng xây đá, tường xây gạch, nền gạch C1, tường trát vữa sơn nước, không có sê nô mặt trước, mái lợp tôn; diện tích xây dựng 56m^2; 01 nhà tạm, tường xây gạch, mái lợp tôn; diện tích xây dựng116 m^2.

Giao cho ông Đào Văn H1 được quyền quản lý, sử dụng phần di sản là diện tích đất 62,6m^2 thuộc một phần thửa đất số thửa đất số 23, tờ bản đồ số 41 tại hẻm A Cách mạng T, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai có tứ cận: Phía Đông giáp đường hẻm, có kích thước 6,64m; Phía Tây giáp đất ông T3, có kích thước 4,76m; Phía Nam giáp đất bà M, có kích thước 10,7m; Phía Bắc giáp đất ông D, có kích thước 11,62m; trị giá thành tiền 363.080.000 đồng. Ông Đào Văn H1 được quyền sở hữu nhà ở riêng lẻ 01 tầng, có kết cấu: móng xây đá, tường xây gạch, nền gạch C1, tường trát vữa sơn nước, không có sê nô mặt trước, mái lợp tôn; diện tích xây dựng 63 m^2

(Hiện trạng tài sản được mô tả theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 11/12/2024)

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, các đương sự có trách nhiệm liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện việc đăng ký, kê khai để chỉnh lý biến động đất đai đối với quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đã được chia theo quy định của pháp luật.

Buộc bà Đào Thị H có trách nhiệm thanh toán cho ông Đào Văn Đ số tiền chênh lệch so với giá trị mỗi suất thừa kế là 68.321.680 đồng, thanh toán cho ông Đào Văn T số tiền chênh lệch so với giá trị mỗi suất thừa kế là 342.377.480 đồng, thanh toán cho bà Đào Thị X số tiền giá trị một suất thừa kế là 173.479.160 đồng.

Buộc ông Đào Văn H1 có trách nhiệm thanh toán cho bà Đào Thị X số tiền giá trị một suất thừa kế là 667.982.520 đồng.

Bà Đào Thị X được nhận giá trị một suất thừa kế số tiền là 841.461.680 đồng (do bà Đào Thị H thanh toán là 173.479.160 đồng và ông Đào Văn H1 thanh toán là 667.982.520 đồng)

2. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Đào Văn T, ông Đào Văn Đ, ông Đào Văn H1 và bà Đào Thị X mỗi người phải có trách nhiệm trả cho bà Đào Thị H số tiền chi phí tố tụng là 2.400.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Đào Văn T do là người cao tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ- UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bà Đào Thị X, ông Đào Văn Đ mỗi người phải chịu 37.243.850 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

Ông Đào Văn H1 phải chịu 41.272.124 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

Bà Đào Thị H phải chịu 37.243.850 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.000.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 000549 ngày 09/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Bà Đào Thị H còn phải nộp 32.243.850 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thành phố P;
- Chi cục THADS thành phố P;
- Các đương sự;

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

Nguyễn Thị Hồng Thắm

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Quách Đình Hoằng Tô Thị Lành Nguyễn Thị Hồng T4

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Thu

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND Tp . Pleiku;
- THADS Tp.Pleiku;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Kim Thu